

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số giao hoán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phan Thanh Toàn

2. Ngày tháng năm sinh: 04/04/1982; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 268/7, ấp Mỹ An, xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Toán – Thống kê, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 19 Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q.7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0907119892;

E-mail: phanthanhtoan@tdtu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 01,2005 đến tháng, năm 07,2006: Trợ giảng tại Khoa Toán-Tin học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 09,2006 đến tháng, năm 08,2012: Học tiến sĩ Toán học và trợ giảng tại Đại học Khoa học và Công nghệ Pohang, Hàn Quốc

Từ tháng, năm 09,2012 đến tháng, năm 12,2016: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ tại Đại học Khoa học và Công nghệ Pohang, Hàn Quốc

Từ tháng, năm 03,2017 đến tháng, năm 08,2021: Giảng viên tại Khoa Toán-Thống kê, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Chức vụ: Hiện nay: Trợ lý Trường Khoa Khoa Toán – Thống kê, Trường Đại học Tôn Đức Thắng; Chức vụ cao

nhất đã qua: Trợ lý Trường Khoa Khoa Toán – Thống kê, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán-Thống kê, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Địa chỉ cơ quan: 19 Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q.7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 0283775506

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng DH [3] ngày 09 tháng 09 năm 2004, số văn bằng: 00108/71KH2/2003 (số đăng ký: 8T-TH/T9-04), ngành: Toán – Tin học,

chuyên ngành: Đại số; Nơi cấp bằng DH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 10 tháng 08 năm 2012, số văn bằng: Không có, ngành: Toán học,

chuyên ngành: Đại số giao hoán; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Khoa học và Công nghệ Pohang, Hàn Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lý thuyết vành giao hoán:
 - Lý thuyết idêan nhân trong vành chuỗi lũy thừa và các vành con của nó: idêan nguyên tố, chiều Krull, tính chất Noetherian, bậc siêu việt, idêan dung lượng, bổ đề Dedekind-Mertens, tính chất Krull tổng quát,...
 - Vành đa thức Hurwitz, vành chuỗi lũy thừa Hurwitz, và các mở rộng vành tổng quát: chiều Krull, tính chất phân tích duy nhất, tính chất ước chung lớn nhất,...
- Lý thuyết mã:
 - Chặn trên cho mã tối ưu: chặn trên Johnson, chặn trên quy hoạch tuyến tính, chặn trên nửa xác định dương tuyến tính,...
- Phương pháp số trong phương trình vi phân

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 7 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 28 bài báo khoa học, trong đó 28 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, yêu nghề, tận tụy với công việc.
- Có trình độ chuyên môn tốt.
- Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, hướng dẫn sinh viên và học viên cao học; đảm bảo sự công bằng và hiệu quả trong giảng dạy.
- Năng động trong công tác nghiên cứu khoa học; luôn hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học của cá nhân tại đơn vị.
- Đã hoàn thành một đề tài cấp Trường (FOSTECT) và đang thực hiện một đề tài cấp Quốc gia (NAFOSTED) với tư cách là chủ nhiệm đề tài.
- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Chấp hành tốt nội qui, qui định của Nhà trường.
- Thường xuyên trao dồi bản thân để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, và năng lực nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 4 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1								
2								
3	2017-2018				2	215	90	305/404/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019			1		255	90	345/457.5/270
5	2019-2020			3		189	45	234/384/216
6	2020-2021			3		225		225/315/272

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Hàn Quốc năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL PBT (583 điểm), GRE (1110 Điểm)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Đoàn Tuyệt Khanh		X	X		07/2018 đến 12/2018	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	12/04/2019
2	Phan Nhật Hùng		X	X		04/2019 đến 09/2019	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	14/05/2020
3	Phạm Văn Thành		X	X		04/2019 đến 09/2019	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	14/05/2020

4	Nguyễn Tấn Việt Tiến		X	X		04/2019 đến 09/2019	Trưởng ĐH Tôn Đức Thắng	14/05/2020
5	Lê Đức Đạt		X	X		07/2020 đến 12/2020	Trưởng ĐH Tôn Đức Thắng	16/04/2021
6	Phạm Thị Thu Hằng		X	X		07/2020 đến 12/2020	Trưởng ĐH Tôn Đức Thắng	15/04/2021
7	Lê Thanh Tuấn		X	X		07/2020 đến 12/2020	Trưởng ĐH Tôn Đức Thắng	15/04/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu,

ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Một số khía cạnh đại số của vành chuỗi lũy thừa hình thức và ứng dụng	CN	101.04-2019.06, cấp Nhà nước	05/09/2019 đến 04/09/2021	Đang thực hiện
2	Some algorithms in commutative rings with applications in finding solutions of algebraic ODEs and bounds of codes	CN	FOSTECT.2017.BR.02, cấp Cơ sở	29/01/2018 đến 28/07/2019	21/08/2019 / Hoàn thành

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Delsarte's linear programming bound for constant-weight codes	3	Không	IEEE Transactions on Information Theory	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 2.501		Vol. 58, no. 9, 5956-5962	09/12
2	The Krull dimension of power series rings over non-SFT rings	5	Không	Journal of Pure and Applied Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.831		Vol. 217, Issue 2, 254-258	02/13
3	Improved semidefinite programming bound on sizes of codes	2	Có	IEEE Transactions on Information Theory	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 2.501		Vol. 59, no. 11, 7337-7345	11/13
4	New inequalities for q-ary constant-weight codes	2	Không	Designs, Codes and Cryptography	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 1.492		Vol. 73, no. 2, 369-381	02/14

5	Noetherian property of subrings of power series rings	2	Không	Communications in Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.762		Vol. 43, no. 2, 440-446	02/15
6	Noetherian property of subrings of power series rings II	2	Không	Journal of Pure and Applied Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.831		Vol. 219, no. 9, 4055-4060	09/15
7	The Krull dimension of power series rings over almost Dedekind domains	3	Có	Journal of Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.89		Vol. 438 170-187	09/15
8	A remark on the Noetherian property of power series rings	2	Có	Pacific Journal of Mathematics	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.817		Vol. 283, no. 2, 353–363	08/16
9	Krull dimension and unique factorization in Hurwitz polynomial rings	2	Có	Rocky Mountain Journal of Mathematics	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.568		Vol. 47, no. 4, 1317–1332	08/17

10	Krull dimension of power series rings over non-SFT domains	2	Có	Journal of Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.89		Vol. 499 516–537	04/18
11	Transcendental degree in power series rings	2	Có	Journal of Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.89		Vol. 501 51–67	05/18
12	On power series rings over valuation domains	2	Có	Communications in Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.762		Vol. 46, no. 5, 1843–1853	05/18
13	Dedekind–Mertens lemma and content formulas in power series rings	3	Có	Journal of Pure and Applied Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.831		Vol. 222, no. 8, 2299–2309	08/18
14	Krull dimension of Hurwitz polynomial rings over Prüfer domains	2	Có	Bulletin of the Korean Mathematical Society	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.502		Vol. 55, no. 2, 625–631	03/18
15	On generalized Krull power series rings	2	Có	Bulletin of the Korean Mathematical Society	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.502		Vol. 55, no. 4, 1007–1012	07/18

16	Improved linear programming bound on sizes of doubly constant-weight codes	3	Có	Finite Fields and Their Applications	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 1.773		Vol. 54 230-252	11/18
17	Krull dimension of a power series ring over a valuation domain	2	Có	Journal of Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.89		Vol. 519 62-86	02/19
18	A simple proof of the improved Johnson bound for binary codes	2	Có	Bulletin of the Korean Mathematical Society	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.502		Vol. 56, no. 2, 391-397	03/19
19	The power series Dedekind-Mertens number	2	Có	Communications in Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.762		Vol. 47, no. 9, 3481-3489	09/19
20	On the generalized Krull property in power series rings	3	Có	Journal of Pure and Applied Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.831		Vol. 224, no. 11, 106409	11/20

21	Krull dimension of power series rings	2	Có	Journal of Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.89		Vo. 562 306–322	11/20
22	Polynomial and power series ring extensions from sequences	2	Có	Journal of Algebra and its Applications	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.736			12/20
23	Taylor wavelet method for fractional delay differential equations	3	Có	Engineering with Computers	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 7.963		Vol. 37, no. 1, 231–240	01/21
24	A numerical method for solving variable- order fractional diffusion equations using fractional- order Taylor wavelets	3	Không	Numerical Methods for Partial Differential Equations	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 3.009		Vol. 37, no. 3, 2668–2686	05/21
25	Chains of prime ideals in power series rings	2	Có	Journal of Pure and Applied Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.831		Vol. 225, no. 11, 106726	11/21

26	Twisted Polynomial and Power Series Rings	2	Có	Bulletin of the Iranian Mathematical Society	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.644			01/21
27	Subrings of the power series ring over a principal ideal domain	2	Có	Communications in Algebra	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI IF: 0.762		Vol. 49, no. 9, 3748-3759	09/21
28	Dedekind–Mertens Lemma for Power Series in an Arbitrary Set of Indeterminates	3	Có	Vietnam Journal of Mathematics	Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI			01/21

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 22 ([3] [7] [8] [9] [10] [11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [19] [20] [21] [22] [23] [25] [26] [27] [28])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 2 năm

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị

thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: bài báo có thứ tự [2] trong mục 7.1.a trên

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

tỉnh Tiền Giang, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)